

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 883/QĐ - ĐHNH ngày 04 tháng 5 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM)

Ngành đào tạo: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**  
(Management Information Systems)

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Mã số: **7340405**

Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

### 1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm đối với xã hội; có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết về công nghệ thông tin và kinh tế, quản lý; có năng lực sáng tạo, cập nhật và ứng dụng các hệ thống thông tin hiện đại vào việc quản trị các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và tổ chức một cách hiệu quả trong thời đại số.

### 2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

| Chuẩn đầu ra | Nội dung Chuẩn đầu ra                                                                                         | Mức độ theo thang đo |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| PLO1         | Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế và kỹ thuật | 3                    |
| PLO2         | Khả năng làm việc độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện                                                | 3                    |
| PLO3         | Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế                       | 3                    |

|      |                                                                                                                                  |   |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| PLO4 | Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời     | 3 |
| PLO5 | Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội đối với ngành HTTTQL                               | 3 |
| PLO6 | Khả năng vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu một cách hệ thống để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong ngành HTTTQL      | 4 |
| PLO7 | Khả năng tham gia xây dựng và phát triển giải pháp ứng dụng trong ngành HTTTQL                                                   | 4 |
| PLO8 | Khả năng ứng dụng kỹ thuật và công cụ hiện đại cho thực hành kỹ thuật và thích ứng với các xu hướng thay đổi trong ngành HTTTQL. | 4 |

### 3. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học

| Chuẩn đầu ra của CTĐT      |                                                                      | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 |
|----------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| STT                        | Tên môn học                                                          |       |       |       |       |       |       |       |       |
| <b>Kiến thức đại cương</b> |                                                                      |       |       |       |       |       |       |       |       |
| 1                          | Triết học Mác - Lênin / Marxist - Leninist Philosophy                | X     | X     | X     |       |       |       |       |       |
| 2                          | Kinh tế chính trị Mác - Lênin / Marxist-Leninist Political Economics | X     | X     | X     |       |       |       |       |       |
| 3                          | Chủ nghĩa xã hội / Scientific Socialism                              | X     | X     | X     |       |       |       |       |       |
| 4                          | Lịch sử Đảng / History of Vietnamese Communist Party                 | X     | X     | X     |       |       |       |       |       |
| 5                          | Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh's Ideology                        | X     | X     | X     |       |       |       |       |       |
| 6                          | Giáo dục thể chất / Physical Education                               |       |       |       |       |       |       |       |       |
| 7                          | Giáo dục quốc phòng / Defense - Security Education                   |       |       |       |       |       |       |       |       |
|                            | <b>Khoa học cơ bản</b>                                               |       |       |       |       |       |       |       |       |
| 8                          | Toán cao cấp 1 / <i>Advanced Mathematic 1</i>                        | X     | X     |       |       |       |       |       |       |



|     |                                                                                                               |   |   |   |   |   |   |   |   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9   | Toán cao cấp 2 / <i>Advanced Mathematic 2</i>                                                                 | X | X |   |   |   |   |   |   |
| 10  | Lý thuyết xác suất và thống kê toán /<br>Probability and Statistics                                           | X | X |   |   |   |   |   |   |
|     | <b>Khoa học Xã hội - Nhân văn</b>                                                                             |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 11  | Pháp luật đại cương / General Law                                                                             | X | X |   |   | X |   |   |   |
|     | <b>Học phần tự chọn - Định hướng liên ngành (Tự chọn 1):</b> SV chọn 01 trong 04 học phần sau đây để tích lũy |   |   |   |   |   |   |   |   |
|     | <b>Định hướng Ngân hàng / Tài chính</b>                                                                       |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 12a | Lý thuyết tài chính - tiền tệ / Financial and Monetary Theory                                                 |   |   | X |   |   | X |   | X |
|     | <b>Định hướng Kế toán</b>                                                                                     |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 12b | Kế toán quản trị 1 / Management Accounting 1                                                                  |   |   | X | X | X |   |   |   |
|     | <b>Định hướng Quản trị / Marketing</b>                                                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 12c | Quản trị marketing / Marketing Management                                                                     |   |   | X |   |   | X | X |   |
|     | <b>Định hướng Trí tuệ kinh doanh</b>                                                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 12d | Trực quan hoá dữ liệu / Data Visualization                                                                    | X | X |   |   |   | X |   |   |
|     | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>                                                                                  |   |   |   |   |   |   |   |   |
|     | <b>Học phần bắt buộc</b>                                                                                      |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 13  | Kinh tế học vi mô / Microeconomics                                                                            | X | X |   | X |   |   |   |   |
| 14  | Kinh tế học vĩ mô / Macroeconomics                                                                            | X | X |   | X |   |   |   |   |
| 15  | Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting                                                                  | X |   |   |   | X | X |   |   |
| 16  | Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý / Introduction to Management Information Systems                    |   |   |   | X | X |   |   | X |
| 17  | Quản trị học / Fundamental of Management                                                                      | X | X |   | X |   |   |   |   |
| 18  | Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems                                                   | X |   |   |   |   | X |   | X |
| 19  | Nguyên lý Marketing / Principles of Marketing                                                                 | X | X |   | X |   |   |   |   |
| 20  | Kinh tế lượng / Econometrics                                                                                  | X | X |   |   |   | X |   |   |
| 21  | Tin học ứng dụng / Applied Informatics                                                                        |   |   | X | X |   |   | X |   |

|                                                                                                                                         |                                                                                                |   |   |   |   |   |   |   |   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22                                                                                                                                      | Logic ứng dụng trong kinh doanh / Applied Logic in Business                                    | X | X |   |   |   |   | X |   |
| 23                                                                                                                                      | Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kinh tế - quản trị) / English for Economics and Management           |   |   | X | X |   |   |   | X |
| <b>Học phần tự chọn - Định hướng liên ngành (Tự chọn 2):</b> SV chọn 01 trong 06 học phần sau theo định hướng của tự chọn 1 để tích lũy |                                                                                                |   |   |   |   |   |   |   |   |
|                                                                                                                                         | <b>Định hướng Ngân hàng / Tài chính</b>                                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 24.1a                                                                                                                                   | Thị trường tài chính và các định chế tài chính / Financial Markets and Institutions            |   |   |   |   |   | X | X | X |
| 24.2a                                                                                                                                   | Tài chính doanh nghiệp / Corporate Finance                                                     |   |   |   |   | X | X |   | X |
|                                                                                                                                         | <b>Định hướng Kế toán</b>                                                                      |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 24b                                                                                                                                     | Kế toán quản trị 2 / Management Accounting 2                                                   |   |   |   | X | X | X |   |   |
|                                                                                                                                         | <b>Định hướng Quản trị / Marketing</b>                                                         |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 24.1c                                                                                                                                   | Quản trị vận hành / Operation Management                                                       |   |   |   | X |   | X |   | X |
| 24.2c                                                                                                                                   | Quản trị thương hiệu / Brand Management                                                        |   | X |   |   |   | X | X |   |
|                                                                                                                                         | <b>Định hướng Trí tuệ kinh doanh</b>                                                           |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 24d                                                                                                                                     | Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ ra quyết định / Data Warehouse and Decision Support Systems           |   | X |   |   |   | X |   | X |
| <b>Kiến thức ngành</b>                                                                                                                  |                                                                                                |   |   |   |   |   |   |   |   |
|                                                                                                                                         | <b>Học phần bắt buộc</b>                                                                       |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 25                                                                                                                                      | Cơ sở dữ liệu / Database Systems                                                               |   |   |   | X |   | X |   | X |
| 26                                                                                                                                      | Cơ sở lập trình / Fundamentals of Programming                                                  |   |   |   | X |   |   | X | X |
| 27                                                                                                                                      | Mạng máy tính và truyền thông / Computer Network and Communication                             |   | X |   |   |   | X |   | X |
| 28                                                                                                                                      | Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh / Applied Algorithms in Business                          |   |   |   | X |   |   | X | X |
| 29                                                                                                                                      | Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / English for Management Information Systems |   |   | X | X |   |   |   | X |
| 30                                                                                                                                      | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu / Database Management Systems                                        |   |   |   |   |   | X | X | X |



|                                                                                                                                                      |                                                                                                     |  |   |   |   |   |   |   |   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|---|---|---|---|---|---|
| 31                                                                                                                                                   | An toàn bảo mật thông tin / Information Security                                                    |  |   |   |   | X | X |   | X |
| 32                                                                                                                                                   | Phân tích thiết kế hệ thống thông tin / Information Systems Analysis and Design                     |  | X |   |   |   | X | X |   |
| 33                                                                                                                                                   | Lập trình hướng đối tượng / Object-oriented Programming                                             |  |   |   |   |   | X | X | X |
| 34                                                                                                                                                   | Phân tích kinh doanh / Business Analysis                                                            |  |   |   |   |   | X | X | X |
| 35                                                                                                                                                   | Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp / Enterprise Resource Planning System                          |  |   |   |   |   | X | X | X |
| 36                                                                                                                                                   | Thương mại điện tử / Electronic Commerce                                                            |  |   |   |   |   | X | X | X |
| 37                                                                                                                                                   | Lập trình Web / Web Programming                                                                     |  | X |   |   |   | X |   | X |
| 38                                                                                                                                                   | Kiến tập ngành Hệ thống thông tin quản lý / Pratical Observation for Management Information Systems |  |   | X | X | X |   |   |   |
| <b>Học phần tự chọn - Định hướng liên ngành (Tự chọn 3):</b> SV chọn 01 trong 06 học phần sau theo định hướng của tự chọn 1 và tự chọn 2 để tích lũy |                                                                                                     |  |   |   |   |   |   |   |   |
|                                                                                                                                                      | <b>Định hướng Ngân hàng / Tài chính</b>                                                             |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 39.1a                                                                                                                                                | Hoạt động kinh doanh ngân hàng / Banking Operations                                                 |  |   |   |   | X | X |   | X |
| 39.2a                                                                                                                                                | Quản trị tài chính doanh nghiệp / Corporate Finance Management                                      |  |   |   |   | X | X |   | X |
|                                                                                                                                                      | <b>Định hướng Kế toán</b>                                                                           |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 39b                                                                                                                                                  | Kiểm toán căn bản / Principles of Auditing                                                          |  |   |   |   | X | X | X |   |
|                                                                                                                                                      | <b>Định hướng Quản trị / Marketing</b>                                                              |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 39.1c                                                                                                                                                | Quản trị chuỗi cung ứng / Supply Chain Management                                                   |  |   |   | X |   | X |   | X |
| 39.2c                                                                                                                                                | Quản trị bán hàng / Sales Management                                                                |  |   | X |   |   | X | X |   |
|                                                                                                                                                      | <b>Định hướng Trí tuệ kinh doanh</b>                                                                |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 39d                                                                                                                                                  | Trí tuệ kinh doanh / Business Intelligence                                                          |  |   |   |   | X | X |   | X |
| <b>Kiến thức chuyên sâu (Tự chọn 4):</b> SV chọn 01 trong 02 định hướng chuyên sâu sau để tích lũy                                                   |                                                                                                     |  |   |   |   |   |   |   |   |
|                                                                                                                                                      | <b>Định hướng Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số</b>                                    |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 40a                                                                                                                                                  | Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm / Software Testing and Quality Assurance                    |  |   |   |   | X | X |   | X |
| 41a                                                                                                                                                  | Kiểm toán và kiểm soát hệ thống thông tin / Information Systems Audit and Control                   |  |   |   |   | X | X |   | X |

|       |                                                                                                    |  |  |  |   |   |   |   |   |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|---|---|---|---|---|
| 42a   | Quản lý quy trình nghiệp vụ / Business Process Management                                          |  |  |  |   |   | X | X | X |
| 43a   | Quản trị dự án hệ thống thông tin / Information Systems Project Management                         |  |  |  |   |   | X | X | X |
| 44a   | Phát triển ứng dụng mã nguồn mở / Developing Open Source Software                                  |  |  |  |   |   | X | X | X |
|       | <b>Định hướng Quản trị thương mại điện tử</b>                                                      |  |  |  |   |   |   |   |   |
| 40b   | Thiết kế web / Web Design                                                                          |  |  |  |   | X | X |   | X |
| 41b   | Marketing điện tử / Electronic Marketing                                                           |  |  |  |   | X | X |   | X |
| 42b   | Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử / Operational Management in E-Commerce                      |  |  |  |   |   | X | X | X |
| 43b   | Hệ thống thanh toán điện tử / Electronic Payment system                                            |  |  |  |   |   | X | X | X |
| 44b   | Phân tích và tối ưu hóa bộ máy tìm kiếm / Search Engine Optimization and Analytics                 |  |  |  |   |   | X | X | X |
|       | <b>Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp</b>                                                    |  |  |  |   |   |   |   |   |
| 45    | Thực tập cuối khóa chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / Internship                            |  |  |  | X | X | X |   | X |
| 46    | Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / Graduation Report                   |  |  |  | X | X | X | X | X |
|       | <b>Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>                                                      |  |  |  |   |   |   |   |   |
| 46a   | Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / Business Information Systems Project               |  |  |  | X | X | X | X | X |
|       | <b>Học phần tự chọn môn thay thế (Tự chọn 5): SV chọn 02 trong 09 học phần sau đây để tích lũy</b> |  |  |  |   |   |   |   |   |
| 46b.1 | Core banking và ngân hàng điện tử / Core banking and E-Banking                                     |  |  |  |   |   | X | X | X |
| 46b.2 | Học máy / Machine Learning                                                                         |  |  |  |   |   | X | X | X |
| 46b.3 | Trí tuệ nhân tạo / Artificial Intelligence                                                         |  |  |  |   |   | X | X | X |
| 46b.4 | Chuỗi khối / Blockchain                                                                            |  |  |  |   |   | X | X | X |
| 46b.5 | Phân tích dữ liệu cho tài chính / Data Analytics in Finance                                        |  |  |  |   |   | X | X | X |
| 46b.6 | Chuyển đổi kinh doanh số / Digital Business Transformation                                         |  |  |  |   |   | X | X | X |



|       |                                                              |  |  |  |  |  |   |   |   |
|-------|--------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|---|---|---|
| 46b.7 | Phát triển ứng dụng di động / Developing Mobile Applications |  |  |  |  |  | X | X | X |
| 46b.8 | Phân tích dữ liệu mạng xã hội / Social Networking Analytics  |  |  |  |  |  | X | X | X |
| 46b.9 | Thương mại xã hội / Social Commerce                          |  |  |  |  |  | X | X | X |

#### 4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận các vị trí nghề nghiệp sau:

- Quản trị viên hệ thống thông tin (admin)
- Chuyên viên phân tích và thiết kế hệ thống
- Chuyên viên kiểm thử hệ thống và phần mềm
- Chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật
- Chuyên viên thiết kế dữ liệu
- Chuyên viên lập trình (developer)
- Chuyên viên phát triển và quản trị cơ sở dữ liệu (DBA)
- Chuyên viên phân tích và khai phá dữ liệu
- Chuyên viên phân tích quy trình nghiệp vụ
- Chuyên viên kinh doanh sản phẩm và dịch vụ phần mềm
- Chuyên viên kiểm toán và kiểm soát hệ thống thông tin
- Thiết kế, quản trị và vận hành hệ thống thương mại điện tử
- Chuyên viên thiết kế các giải pháp thương mại điện tử
- Chuyên viên vận hành hệ thống giao dịch điện tử
- Chuyên viên thanh toán trực tuyến
- Chuyên viên ngân hàng điện tử
- Chuyên viên tiếp thị điện tử (e-marketing)
- Chuyên viên phân tích dữ liệu mạng xã hội
- Chuyên viên kinh doanh sản phẩm và dịch vụ thương mại điện tử
- Giám đốc hệ thống thông tin (CIO)
- Những công việc khác có liên quan đến HTTTQL trong các tổ chức.

## **5. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 122 tín chỉ, cộng với học phần giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng - an ninh (08 tín chỉ). Thời gian đào tạo là khoảng bốn (04) năm.

Các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **6. Đối tượng tuyển sinh**

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

## **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Thiết kế thời gian tổ chức đào tạo là 04 năm với 08 học kỳ chính và 03 học kỳ hè. Trong các học kỳ chính, sinh viên chủ yếu được học tập trên giảng đường hoặc phòng máy tính, hai học kỳ cuối sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp và thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên có thể đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt trong các học kỳ chính và học kỳ hè. Học kỳ hè sẽ được tổ chức đào tạo theo nhu cầu của sinh viên.

Sinh viên có thể học vượt để hoàn thành chương trình trước 01 năm rưỡi so với thời gian đào tạo chuẩn 4 năm. Thời gian học tập có thể kéo dài hơn so với thời gian đào tạo chuẩn nhưng không quá 02 năm.

## **8. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh**

Việc cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) này được thực hiện dựa trên hai cơ sở: (i) Rà soát lại CTĐT ngành Hệ thống thông tin quản lý hiện tại, ban hành theo quyết định số 2003/QĐ-ĐHNH ngày 19/10/2020; (ii) Đối sánh với khung CTĐT của các hiệp hội ngoài nước như ACM, AIS, AITP và CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước:



8.1. Chương trình khung bậc cử nhân Hệ thống thông tin ACM 2020 do các tổ chức Association for Computing Machinery (ACM), Association for Information Systems (AIS), và Association of Information Technology Professionals (AITP) đưa ra với mục đích gợi ý cho các trường đại học trên thế giới đào tạo về ngành này.

8.2. Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý của Học viện Ngân hàng. Ban hành áp dụng từ năm 2018.

8.3. Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM. Ban hành áp dụng từ năm 2018.

8.4. Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường Đại học Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia TP.HCM. Ban hành áp dụng từ năm 2018.

8.5. Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Hệ thống thông tin của Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP.HCM. Ban hành áp dụng từ năm 2018.

8.6. Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường Đại học Hoa Sen...

## 9. Cách thức đánh giá

Áp dụng theo thang điểm 10 (điểm chữ và thang điểm hệ 4 được quy đổi từ thang điểm 10 chỉ sử dụng mang tính tham khảo, đối chiếu).

## 10. Kết cấu và nội dung chương trình

### 10.1. Kết cấu chương trình đào tạo

| STT        | Khối kiến thức                         | Số học phần | Số tín chỉ | Tỷ lệ (%)    |
|------------|----------------------------------------|-------------|------------|--------------|
| <b>A</b>   | <b>Giáo dục đại cương</b>              | <b>10</b>   | <b>23</b>  | <b>18.85</b> |
| A1         | Kiến thức chung                        | 5           | 11         | 9.02         |
| A2         | Khoa học cơ bản                        | 3           | 7          | 5.73         |
| A3         | Khoa học xã hội - nhân văn             | 1           | 2          | 1.64         |
| A4         | Tự chọn giáo dục đại cương (Tự chọn 1) | 1           | 3          | 2.46         |
| <b>B-C</b> | <b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>          | <b>34</b>   | <b>99</b>  | <b>81.15</b> |

|    |                                             |           |            |            |
|----|---------------------------------------------|-----------|------------|------------|
| B1 | Cơ sở ngành                                 | 11        | 30         | 24.59      |
| C1 | Tự chọn cơ sở ngành (Tự chọn 2)             | 1         | 3          | 2.46       |
| B2 | Ngành                                       | 14        | 39         | 31.96      |
| C2 | Tự chọn ngành (Tự chọn 3)                   | 1         | 3          | 2.46       |
| B3 | Chuyên sâu (Tự chọn 4)                      | 5         | 12         | 9.84       |
| B4 | Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp    | 2         | 12         | 9.84       |
| C4 | [Thay thế Khóa luận tốt nghiệp (Tự chọn 5)] | [3]       | [9]        |            |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                            | <b>44</b> | <b>122</b> | <b>100</b> |

### 10.2. Nội dung chương trình đào tạo

| STT  | Môn học (Học phần)                                       | Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Khối lượng kiến thức |                     |      |      | Học kỳ phân bổ |
|------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|------|------|----------------|
|      |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Lý thuyết            | Thực hành / Bài tập | Khác | Cộng |                |
| A    | Kiến thức giáo dục đại cương                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                      |                     |      |      |                |
| A1   | Kiến thức chung                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                      |                     |      |      |                |
| A1.1 | Triết học Mác - Lênin / Marxist - Leninist<br>Phylosophy | Môn học cung cấp cho người học những kiến thức khái lược về triết học Mác - Lênin cũng như vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Môn học giúp bồi dưỡng và nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước | 3                    |                     |      | 3    | 1              |
| A1.2 | Kinh tế chính trị                                        | Môn học nghiên cứu các                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2                    |                     |      | 2    | 4              |



|      |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |  |  |   |   |
|------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
|      | Mác - Lênin /<br>Marxist-Leninist<br>Political<br>Economics      | quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội                                                         |   |  |  |   |   |
| A1.3 | Chủ nghĩa xã hội<br>khoa học /<br>Scientific<br>Socialism        | Môn học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay       | 2 |  |  | 2 | 5 |
| A1.4 | Lịch sử Đảng /<br>History of<br>Vietnamese<br>Communist<br>Party | Môn học khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn, để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. | 2 |  |  | 2 | 7 |
| A1.5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh's Ideology                    | Môn học bao gồm những kiến thức cốt lõi, hệ thống về: sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước                                                                                                                                                                           | 2 |  |  | 2 | 7 |

|  |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |   |  |   |  |
|--|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|--|---|--|
|  |                     | Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |   |  |   |  |
|  | Giáo dục thể chất 1 | Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Điền kinh là một môn thể thao bao gồm các nội dung đi bộ, chạy, nhảy, ném đẩy và nhiều môn phối hợp; là một trong những môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao ở nước ta.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | 2 |  | 2 |  |
|  | Giáo dục thể chất 2 | Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Thể dục thể thao (TDTT) là một trong những lĩnh vực khoa học gắn liền với đời sống con người. Tập luyện TDTT không những có thể làm cho con người tăng cường sức khỏe, phát triển cân đối toàn diện về trí tuệ, nhân cách, phẩm chất đạo đức, mà còn phát triển toàn diện các tổ chất thể lực. Có sức khỏe để nâng cao năng suất lao động, trí sáng tạo và xã hội ngày càng phát triển. Ngoài ra, TDTT còn có ý nghĩa về mặt chính trị như thúc đẩy các mối quan hệ Quốc tế, kết nối cả dân tộc trên thế giới với nhau cùng sống trong hòa bình hữu nghị. |  | 2 |  | 2 |  |
|  | Giáo dục thể        | Sinh viên có thể lựa chọn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  | 2 |  | 2 |  |



|           |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |   |  |   |   |
|-----------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|
|           | chất 3                                               | học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 1, bóng đá 1, Karate 1, quần vợt 1, bóng bàn 1, cầu lông 1.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |   |  |   |   |
|           | Giáo dục thể chất 4                                  | Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 2, bóng đá 2, Karate 2, quần vợt 2, bóng bàn 2, cầu lông 2.                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   | 2 |  | 2 |   |
| <b>A2</b> | <b>Khoa học cơ bản</b>                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |   |  |   |   |
| A2.1      | Toán cao cấp 1 /<br><i>Advanced<br/>Mathematic 1</i> | Môn học trang bị các kiến thức toán cao cấp về đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector $R^n$ , phép biến đổi tuyến tính; chéo hóa ma trận và dạng toàn phương. Học xong môn học này, sinh viên có thể chuyển hóa các dạng bài toán kinh tế sang hệ phương trình hoặc ma trận để xử lý.                                          | 2 |   |  | 2 | 1 |
| A2.2      | Toán cao cấp 2 /<br><i>Advanced<br/>Mathematic 2</i> | Môn học trang bị các kiến thức toán về giải tích ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị tự do và cực trị có điều kiện của hàm số nhiều biến số; một số dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2. Học xong môn học này, sinh viên có thể áp dụng để thực hiện các tính toán | 2 |   |  | 2 | 2 |

|                                         |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |  |   |   |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
|                                         |                                                                                                   | trong kinh tế, xác định điểm tối ưu và giá trị tối ưu của hàm mục tiêu...                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |  |  |   |   |
| A2.3                                    | Lý thuyết xác suất và thống kê toán / Probability and Statistics                                  | Môn học cung cấp các kiến thức cơ sở về toán xác suất và thống kê. Học xong môn học này, sinh viên có thể tiến hành toán xác suất của các biến cố ngẫu nhiên, hiểu về quy luật mà các biến ngẫu nhiên tuân theo và áp dụng xử lý số liệu thống kê đơn giản bằng phần mềm SPSS trên PC, cũng như bằng máy tính bỏ túi.                                                 | 3 |  |  | 3 | 2 |
| <b>A3</b>                               | <b>Khoa học Xã hội - Nhân văn</b>                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |  |   |   |
| A3.1                                    | Pháp luật đại cương / General Law                                                                 | Môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới quy luật hình thành, phát triển và bản chất của nhà nước và pháp luật.                                                                                                                                                                                                                                               | 2 |  |  | 2 | 5 |
| <b>A4</b>                               | <b>Học phần tự chọn - Định hướng liên ngành (Tự chọn 1): SV chọn 01 trong 04 học phần sau đây</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |  |   |   |
| <b>Định hướng Ngân hàng / Tài chính</b> |                                                                                                   | Môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính tiền tệ; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ...Học xong môn học này đáp ứng chuẩn đầu ra là hiểu biết các nguyên lý về tài chính tiền tệ, tài chính công, tổ chức tài chính và thị trường tài chính | 3 |  |  | 3 | 3 |
| A4.1                                    | Lý thuyết tài chính - tiền tệ / Financial and Monetary Theory                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |  |   |   |
| <b>Định hướng Kế toán</b>               |                                                                                                   | Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị; nhận diện chi phí, phân                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3 |  |  | 3 | 3 |
| A4.2                                    | Kế toán quản trị                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |  |   |   |



|                                        |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |  |   |   |
|----------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|
|                                        | 1 / Management Accounting 1                | loại chi phí theo các tiêu thức khác nhau từ đó vận dụng để phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập các dự toán ngân sách và cung cấp thông tin đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm và các thông tin thích hợp trong việc ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp |   |   |  |   |   |
| <b>Định hướng Quản trị / Marketing</b> |                                            | Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và khả năng áp dụng tiến trình quản trị marketing trong doanh nghiệp cũng như các loại hình tổ chức khác                                                                                                                                                                     | 3 |   |  | 3 | 3 |
| A4.3                                   | Quản trị marketing / Marketing Management  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |  |   |   |
| <b>Định hướng Trí tuệ kinh doanh</b>   |                                            | Môn học giới thiệu những kỹ thuật hiệu quả để hiển thị và diễn giải nhiều loại dữ liệu khác nhau, cũng như những thuật toán căn bản trong trực quan hóa dữ liệu. Sinh viên có các kỹ năng diễn đạt và trình bày dữ liệu một cách hiệu quả, nhằm truyền đạt những thông tin thu hút đến người đọc, người xem    | 2 | 1 |  | 3 | 3 |
| A4.4                                   | Trực quan hoá dữ liệu / Data Visualization |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |  |   |   |
| B1                                     | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |  |   |   |
| <b>Học phần bắt buộc</b>               |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |  |   |   |
| B1.1                                   | Kinh tế học vi mô / Micro-economics        | Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản và các công cụ sử dụng trong phân tích kinh tế vi mô; tập trung vào việc phân tích hành vi của người tiêu dùng quyết định đến giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ được cung ứng trên thị trường cũng như hành vi của                                                  | 3 |   |  | 3 | 1 |

|      |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |   |  |  |   |   |
|------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
|      |                                              | các doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường khác nhau. Bên cạnh đó, môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường làm cơ sở cho việc định hướng can thiệp của Nhà nước nhằm đạt được hiệu quả tối ưu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |   |  |  |   |   |
| B1.2 | Kinh tế học vĩ mô / Macro-economics          | Môn học giới thiệu những kiến thức tổng quát về Kinh tế học vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về cách thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Môn học trình bày cách tính các chỉ tiêu kinh tế như sản lượng quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát..., cách xác định sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề vĩ mô của 1 nền kinh tế mở và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể trong từng thời kì. | 3 |  |  | 3 | 2 |
| B1.3 | Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting | Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về kế toán. Bên cạnh đó, môn học trang bị kiến thức về các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán. Ngoài ra môn học giúp người học hiểu về tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.                                                                                                                                                                                                            | 3 |  |  | 3 | 2 |
| B1.4 | Nhập môn ngành Hệ thống                      | Môn học cung cấp góc nhìn tổng quan về vai trò, vị trí,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2 |  |  | 2 | 1 |



|      |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |   |  |  |   |   |
|------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
|      | thông tin quản lý / Introduction to Management Information Systems | tính chất của ngành học, những kiến thức tổng quát về ngành hệ thống thông tin quản lý, phương pháp học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý. Ngoài ra môn học giúp hình thành các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng nghiên cứu, tư duy trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý                                                                                   |   |  |  |   |   |
| B1.5 | Quản trị học / Fundamental of Management                           | Môn học giới thiệu cơ bản về các khái niệm và thực tiễn quản trị trong các tổ chức. Các chủ đề môn học bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Các xu hướng về lý thuyết và chức năng quản lý cũng được đánh giá, cũng như nghiên cứu quản lý và ứng dụng vào thực tiễn quản lý và các khía cạnh có trách nhiệm, đạo đức và toàn cầu trong thực tiễn kinh doanh hiện tại. | 3 |  |  | 3 | 2 |
| B1.6 | Hệ thống thông tin quản lý / Management Information Systems        | Môn học cung cấp kiến thức về các hệ thống thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình quản lý và ứng dụng của chúng trong các tổ chức, các doanh nghiệp. Môn học trình bày các công cụ để hoạch định, tổ chức và phát triển các hệ thống thông tin phù hợp với tổ chức doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng lợi thế cạnh tranh cho tổ chức.                               | 3 |  |  | 3 | 3 |
| B1.7 | Nguyên lý Marketing / Principles of                                | Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3 |  |  | 3 | 2 |

|      |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |   |  |   |   |
|------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|
|      | Marketing                              | đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.   |   |   |  |   |   |
| B1.8 | Kinh tế lượng / Econometrics           | Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản để ước lượng một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế, kiểm định giả thuyết về các mối quan hệ kinh tế. Trên cơ sở đó đưa ra mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các quan hệ kinh tế. Mô hình sẽ được dùng trong phân tích, dự báo và hoạch định chính sách. Sau khi học xong môn học, sinh viên có kiến thức lý thuyết và kỹ năng xây dựng mô hình hồi quy một phương trình với các tính huống kinh tế cơ bản. | 3 |   |  | 3 | 3 |
| B1.9 | Tin học ứng dụng / Applied Informatics | Môn học là môn cơ sở cần thiết để học được các môn chuyên ngành và cho việc thực hiện các đề tài nghiên cứu. Môn học trang bị kiến thức hiểu biết để lựa chọn các phần mềm máy tính phù hợp và kỹ năng sử dụng chúng                                                                                                                                                                                                                                                        | 2 | 1 |  | 3 | 3 |



|                                         |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |  |   |   |
|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
|                                         |                                                                                                                                         | nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định quản trị bằng phương pháp lượng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                               |   |  |  |   |   |
| B1.10                                   | Logic ứng dụng trong kinh doanh / Applied Logic in Business                                                                             | Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản nhất và có hệ thống về cơ sở toán của tin học. Môn học sẽ cung cấp những phép suy luận căn bản trong logic ứng dụng trong kinh doanh                                                                                                                                                             | 2 |  |  | 2 | 2 |
| B1.11                                   | Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kinh tế - quản trị) / English for Economics and Management                                                    | Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cũng như lượng từ vựng đáng kể liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh và lĩnh vực kinh tế. Ngoài ra, mỗi bài học được thiết kế với bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết đan xen nhau nhằm giúp sinh viên phát triển cả về kiến thức và cải thiện các kỹ năng đáng kể.                     | 2 |  |  | 2 | 4 |
| <b>C1</b>                               | <b>Học phần tự chọn - Định hướng liên ngành (Tự chọn 2):</b> SV chọn 01 trong 06 học phần sau theo định hướng của tự chọn 1 để tích lũy |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |  |   |   |
| <b>Định hướng Ngân hàng / Tài chính</b> |                                                                                                                                         | Môn học về hệ thống tài chính, tổ chức và hoạt động của thị trường tài chính và đặc trưng của từng định chế tài chính. Môn học giúp hiểu được những nội dung cơ bản về hệ thống tài chính và thị trường tài chính; hiểu được đặc điểm của các công cụ trên thị trường tài chính; giải thích các yếu tố tác động đến giá cả của các công cụ tài chính. | 3 |  |  | 3 | 4 |
| C1.1                                    | Thị trường tài chính và các định chế tài chính / Financial Markets and Institutions                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |  |  |   |   |
| C1.2                                    | Tài chính doanh nghiệp / Corporate Finance                                                                                              | Môn học trang bị kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính của một doanh nghiệp, làm tiền đề để tiếp cận những lĩnh                                                                                                                                                                                                                                    | 3 |  |  | 3 | 4 |

|                                        |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |  |  |   |   |
|----------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
|                                        |                                              | vực chuyên sâu. Trong môn học này sinh viên sẽ được tiếp cận những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp như giá trị của tiền tệ theo thời gian, mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro, chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy và các lý thuyết về cơ cấu vốn của doanh nghiệp.                                                                                                                                                                |   |  |  |   |   |
| <b>Định hướng Kế toán</b>              |                                              | Môn học cung cấp kiến thức về tổ chức thông tin kế toán quản trị, phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp và báo cáo quản trị, xác định và đánh giá trung tâm trách nhiệm chi phí, doanh thu, lợi nhuận, đánh giá hiệu quả hoạt động trên cơ sở quản trị chi phí của doanh nghiệp và ngân hàng. Môn học cung cấp kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề liên quan đến cung cấp thông tin kế toán quản trị cho các nhà quản lý. | 3 |  |  | 3 | 4 |
| C1.3                                   | Kế toán quản trị 2 / Management Accounting 2 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |  |  |   |   |
| <b>Định hướng Quản trị / Marketing</b> |                                              | Môn học trang bị kiến thức căn bản nhất để quản trị vận hành một hệ thống sản xuất trên cơ sở quan điểm hiện đại tại doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có được những nhận thức căn bản để phối hợp các công cụ và kỹ thuật để đảm bảo được năng suất và hiệu quả của sản phẩm trong quá trình vận hành.                                                                                                                                          | 3 |  |  | 3 | 4 |
| C1.4                                   | Quản trị vận hành / Operation Management     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |   |  |  |   |   |
| C1.5                                   | Quản trị thương hiệu / Brand Management      | Môn học kiến thức tổng quan về thương hiệu và công tác quản trị thương hiệu. Môn học giúp sinh viên nhận thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3 |  |  | 3 | 4 |



|                                      |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |   |  |   |   |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|
|                                      |                                                                                      | được tầm quan trọng của thương hiệu trong chiến lược xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp, đặc biệt trong môi trường cạnh tranh gay gắt hiện nay. Phân tích và đánh giá được hoạt động xây dựng thương hiệu tại các doanh nghiệp trên thực tế. Ngoài ra còn hiểu về vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.                                      |   |   |  |   |   |
| <b>Định hướng Trí tuệ kinh doanh</b> |                                                                                      | Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và nền tảng về kho dữ liệu, quá trình thiết kế, cài đặt kho dữ liệu, khai phá dữ liệu và về hệ hỗ trợ ra quyết định với các thành phần và các mô hình. Môn học còn đề cập đến các công cụ và kỹ thuật giúp hình thành nên hệ hỗ trợ ra quyết định. Từ những kiến thức này, người học nhận thức được vai trò và ứng dụng của nó trong thực tiễn quản trị kinh doanh | 3 |   |  | 3 | 4 |
| C1.6                                 | Kho dữ liệu và hệ hỗ trợ ra quyết định / Data Warehouse and Decision Support Systems |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |   |  |   |   |
| <b>B2</b>                            | <b>Kiến thức ngành</b>                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |   |  |   |   |
| <b>Học phần bắt buộc</b>             |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |   |  |   |   |
| B2.1                                 | Cơ sở dữ liệu / Database Systems                                                     | Môn học giúp sinh viên có khả năng thiết kế, tạo lập và quản trị cơ sở dữ liệu sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng sử dụng ngôn ngữ truy vấn cấu trúc để trích xuất thông tin từ cơ sở dữ liệu                                                                                                                                                                   | 2 | 1 |  | 3 | 3 |
| B2.2                                 | Cơ sở lập trình / Fundamentals of                                                    | Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lập trình, các kiểu dữ liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2 | 1 |  | 3 | 2 |

|      |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |   |  |   |   |
|------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|
|      | Programming                                                           | tiền định, cấu trúc điều khiển, nhập xuất dữ liệu. Ngoài ra học phần này còn định hướng phương pháp tư duy, phong cách lập trình, kỹ năng lập trình trên ngôn ngữ lập trình cụ thể                                                                                                                                                                                                                                                                               |   |   |  |   |   |
| B2.3 | Mạng máy tính và truyền thông / Computer network and communication    | Môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành HTTTQL, cung cấp các kiến thức về đặc trưng và thành phần của các kiểu mạng máy tính như LAN, WAN, Internet...; các chức năng và các giao thức chính mỗi tầng trong mô hình OSI; cách sử dụng các thiết bị mạng trong quy trình thiết kế một mạng LAN. Môn học trình bày và hướng dẫn các kỹ thuật ứng dụng phổ biến trong mạng nội bộ, mạng Internet; quản trị mạng máy tính trên hệ điều hành Windows Server | 2 | 1 |  | 3 | 3 |
| B2.4 | Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh / Applied Algorithms in Business | Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cấu trúc dữ liệu và giải thuật thông dụng trên máy tính giúp sinh viên có khả năng sử dụng các cấu trúc dữ liệu nền tảng. Môn học cũng hướng dẫn sinh viên hiểu, phân tích và đánh giá được các giải thuật làm việc với các cấu trúc dữ liệu đó để giải quyết bài toán trong lập trình.                                                                                                                     | 2 | 1 |  | 3 | 4 |
| B2.5 | Tiếng Anh chuyên ngành ngành Hệ thống thông tin quản lý / English for | Môn học cung cấp cho sinh viên khả năng sử dụng Tiếng Anh cho những tình huống giao tiếp trong môi trường làm việc lĩnh vực CNTT. SV                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3 |   |  | 3 | 5 |



|      |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |   |   |  |   |   |
|------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|
|      | Management Information Systems                          | có thể sử dụng được các từ vựng liên quan trong lĩnh vực CNTT, các hình thức văn phạm khác nhau để biểu đạt trong giao tiếp ở mức độ căn bản. SV có kỹ năng đọc tài liệu kỹ thuật đơn giản trong lĩnh vực CNTT, diễn đạt và thảo luận theo hình thức nói những chủ đề cơ bản trong lĩnh vực CNTT, nghe và hiểu được những trình bày đơn giản trong lĩnh vực CNTT, trình bày được theo hình thức viết những chủ đề về CNTT trong môi trường làm việc.                                                                                               |   |   |  |   |   |
| B2.6 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu / Database Management Systems | Môn học hướng đến việc cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ quản trị cơ sở dữ liệu, các kiến thức về quản trị vận hành, quản trị thành phần, quản trị người dùng trên hệ cơ sở dữ liệu, kiến thức về ngôn ngữ SQL và PL /SQL. Sau khi học xong môn học, sinh viên có khả năng thực hiện các thao tác quản trị cơ sở dữ liệu cơ bản, lập trình với ngôn ngữ của hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Các kiến thức và kỹ năng này sẽ là nền tảng để sinh viên thực hiện các nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực quản trị cơ sở dữ liệu. | 1 | 1 |  | 2 | 4 |
| B2.7 | An toàn bảo mật thông tin / Information Security        | Môn học giới thiệu tổng quan về an toàn bảo mật, các thành phần, nguyên tắc, cũng như các vấn đề về hacker, virus, thiên tai...; giới thiệu hệ thống phát hiện tấn công; các nguyên lý, phương pháp cũng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2 | 1 |  | 3 | 4 |

|       |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |   |   |   |   |   |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|
|       |                                                                                 | như mô hình, kỹ thuật mã hóa; phân tích rủi ro và lập kế hoạch phục hồi hệ thống khi có sự cố. Môn học còn giúp cho sinh viên có các kỹ năng cần thiết để nhận dạng vấn đề về an toàn bảo mật trong hệ thống thông tin nhằm đánh giá, ngăn chặn, đưa ra giải pháp phù hợp.                                                                                                                       |   |   |   |   |   |
| B2.8  | Phân tích thiết kế hệ thống thông tin / Information Systems Analysis and Design | Môn học này cung cấp các khái niệm, nguyên tắc, các giai đoạn trong phân tích thiết kế hệ thống thông tin kinh doanh dưới góc nhìn của nhà quản lý; cung cấp các kiến thức và kỹ năng để sinh viên hiểu được vai trò của nhân viên phân tích và thiết kế hệ thống, áp dụng được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật trong phân tích và thiết kế hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.          | 2 | 1 |   | 3 | 4 |
| B2.9  | Lập trình hướng đối tượng / Object-oriented Programming                         | Môn học cung cấp một cái nhìn khái quát về phương pháp lập trình hướng đối tượng, các nguyên tắc, và công cụ được sử dụng khi lập trình hướng đối tượng. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng cụ thể, sinh viên có thể sử dụng các ngôn ngữ lập trình hiện đại để giải được một số bài toán quản lý thực tế như quản lý bán hàng, quản lý điểm, lương. | 2 | 1 |   | 3 | 5 |
| B2.10 | Phân tích kinh doanh / Business                                                 | Môn học cung cấp các kiến thức, kỹ năng, công cụ, kỹ thuật cơ bản và cần thiết để                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2 |   | 1 | 3 | 5 |



|       |                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |   |   |  |   |   |
|-------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|
|       | Analysis                                                                   | tiến hành khai thác nhu cầu về các hệ thống thông tin kinh doanh của một doanh nghiệp và các bên liên quan. Từ đó, giúp cho doanh nghiệp có thể triển khai được các hệ thống thông tin kinh doanh hỗ trợ cho chiến lược và qui trình kinh doanh của mình.                                 |   |   |  |   |   |
| B2.11 | Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp / Enterprise Resource Planning System | Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) bao gồm các khái niệm cơ bản, phạm vi áp dụng, quy trình nghiệp vụ. Đồng thời giúp cho người học tiếp cận với các công nghệ và cách thức triển khai hệ thống ERP phổ biến.                          | 2 | 1 |  | 3 | 6 |
| B2.12 | Thương mại điện tử / Electronic Commerce                                   | Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về giao dịch thương mại sử dụng công nghệ số và Internet: các mô hình kinh doanh thương mại điện tử, hạ tầng kỹ thuật, website, các hệ thống thanh toán điện tử và vấn đề bảo mật, môi trường pháp lý, xã hội và đạo đức trong thương mại điện tử | 3 |   |  | 3 | 5 |
| B2.13 | Lập trình web / Web Programming                                            | Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về phát triển ứng dụng web, người học có thể tự tay phát triển một website toàn diện từ front end đến back end. Các nội dung chính bao gồm web tĩnh, web động, ngôn ngữ lập trình web, môi trường phát triển ứng dụng web.                          | 2 | 1 |  | 3 | 5 |

|           |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |  |   |   |   |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---|---|
| B2.14     | Kiến tập ngành<br>Hệ thống thông<br>tin quản lý /<br>Practical<br>Observation for<br>Management<br>Information<br>Systems                               | 1 Tổ chức cho sinh viên đi<br>tham quan các doanh nghiệp<br>trên địa bàn TP. HCM và các<br>vùng lân cận có liên quan đến<br>ngành học. Thông qua tham<br>quan, giúp sinh viên bước đầu<br>có cái nhìn rõ hơn, thực tế<br>hơn về tổng quan của ngành<br>nghề. Sinh viên có dịp tiếp<br>cận với sự ứng dụng và phát<br>triển của hệ thống thông tin<br>trong các lĩnh vực sản xuất,<br>kinh doanh khác nhau. Giúp<br>sinh viên có thể hình dung,<br>nhận thức về ngành nghề<br>đang theo học, từ đó có định<br>hướng về vị trí nghề nghiệp<br>trong tương lai, và chủ động<br>lên kế hoạch, điều chỉnh<br>phương pháp học tập, rèn<br>luyện để đáp ứng yêu cầu<br>nghề nghiệp muốn hướng đến |   |  | 1 | 1 | 3 |
| <b>C2</b> | <b>Học phần tự chọn - Định hướng liên ngành (Tự chọn 3):</b> SV chọn 01 trong 06 học<br>phần sau theo định hướng của tự chọn 1 và tự chọn 2 để tích lũy |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |  |   |   |   |
|           | <b>Định hướng Ngân hàng<br/>/ Tài chính</b>                                                                                                             | Môn học cung cấp những kiến<br>thức cơ bản về hoạt động kinh<br>doanh của hệ thống ngân hàng<br>trong nền kinh tế hiện đại,<br>giúp người học nắm vững<br>kiến thức nền tảng về kinh<br>doanh ngân hàng hiện đại, từ<br>đó vận dụng vào các lĩnh vực<br>chuyên sâu trong hoạt động<br>tài chính ngân hàng. Nội dung<br>chính của môn học gồm các<br>phần: Tổng quan về kinh<br>doanh ngân hàng; Huy động<br>vốn và cung ứng dịch vụ<br>thanh toán; Hoạt động tín<br>dụng; Hoạt động đầu tư tài<br>chính và Dịch vụ tài chính.                                                                                                                                                              | 3 |  |   | 3 | 6 |
| C2.1      | Hoạt động kinh<br>doanh ngân<br>hàng / Banking<br>Operations                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |  |   |   |   |



|                                        |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |  |   |   |
|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
| C2.2                                   | Quản trị tài chính doanh nghiệp / Corporate Finance Management | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quản trị tài chính nhằm mục đích tăng giá trị doanh nghiệp. Các nội dung của môn học được bắt đầu bằng với những kiến thức liên quan đến quản trị tài sản ngắn hạn; tiếp đến, môn học cung cấp các kiến thức quản trị tài sản dài hạn thông qua việc hoạch định ngân sách vốn đầu tư. Sau đó, môn học cung cấp kiến thức về các nguồn tài trợ, chính sách cổ tức và lập kế hoạch tài chính và dự báo tài chính. | 3 |  |  | 3 | 6 |
| <b>Định hướng Kế toán</b>              |                                                                | Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghề nghiệp kiểm toán. Cụ thể học phần này sẽ giúp người học đạt được kiến thức và kỹ năng về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính dựa trên khuôn khổ quy định pháp lý và nghề nghiệp kiểm toán.                                     | 3 |  |  | 3 | 6 |
| C2.3                                   | Kiểm toán căn bản / Principles of Auditing                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |  |   |   |
| <b>Định hướng Quản trị / Marketing</b> |                                                                | Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học được cái nhìn tổng quát quản trị doanh nghiệp trước khi đi vào chuyên sâu kỹ thuật quản trị.                                                                                                                                                | 3 |  |  | 3 | 6 |
| C2.4                                   | Quản trị chuỗi cung ứng / Supply Chain Management              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |  |  |   |   |

|                                                                        |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |  |   |   |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|
| C2.5                                                                   | Quản trị bán hàng / Sales Management                                                       | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Quản trị bán hàng , các đại lý bán sỉ, bán lẻ; các chức năng, bán hàng hiệu quả. Môn học đề cập từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức cần thiết của người bán hàng, đến quy trình, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng hiệu quả. Đồng thời sinh viên cũng được tiếp cận với các phương thức tổ chức quản lý bán hàng, phương pháp xây dựng tổ chức bán hàng, các biện pháp thúc đẩy bán hàng hiệu quả và các công cụ đánh giá hệ thống bán hàng. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề. | 3 |   |  | 3 | 6 |
| Định hướng Trí tuệ kinh doanh                                          |                                                                                            | Môn học tiếp cận trí tuệ kinh doanh trong mối quan hệ giữa tiến bộ công nghệ và nghệ thuật quản trị. Sinh viên có thể sử dụng các công nghệ tiên tiến nhằm chuyển đổi dữ liệu thô thành các thông tin hữu ích cho phân tích kinh doanh, giúp cho nhà quản lý có được bức tranh toàn cảnh cùng các thông tin chi tiết các mảng nghiệp vụ trong doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2 | 1 |  | 3 | 6 |
| C2.6                                                                   | Trí tuệ kinh doanh / Business Intelligence                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |  |   |   |
| B3                                                                     | Học phần chuyên sâu (Tự chọn 4): SV chọn 01 trong 02 định hướng chuyên sâu sau để tích lũy |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |  |   |   |
| Định hướng chuyên sâu - Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |  |   |   |



|       |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |  |  |   |   |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
| B3.1a | Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm / Software Testing and Quality Assurance  | Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản liên quan đến chất lượng phần mềm, các nhân tố chất lượng, đảm bảo, đánh giá chất lượng phần mềm, các phương pháp và chiến lược kiểm thử phần mềm, các chuẩn thể giới về chất lượng phần mềm, các công cụ hỗ trợ việc đánh giá và đảm bảo chất lượng phần mềm.                                                                                                                                                                                       | 2 |  |  | 2 | 6 |
| B3.2a | Kiểm toán và kiểm soát hệ thống thông tin / Information Systems Audit and Control | Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lĩnh vực kiểm toán hệ thống thông tin, quy trình cũng như nội dung của công tác kiểm toán hệ thống thông tin trong hoạt động doanh nghiệp nhằm đảm bảo khả năng phòng ngừa rủi ro, khôi phục sau thảm họa và kinh doanh liên tục. Ngoài ra, môn học còn định hướng phương pháp tư duy, phát triển kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm cần thiết để người học có thể tham gia và thành công trong lĩnh vực kiểm toán hệ thống thông tin. | 2 |  |  | 2 | 6 |
| B3.3a | Quản lý quy trình nghiệp vụ / Business Process Management                         | Môn học cung cấp các kiến thức về quản lý quy trình; mô tả các giai đoạn, các công cụ, các kỹ thuật hỗ trợ nhằm phân tích, thiết kế, thực hiện chuyển đổi, đánh giá và quản lý quy trình kinh doanh của doanh nghiệp. Môn học hướng dẫn sinh viên tiếp cận việc sử dụng các phương pháp mô hình hóa và mô phỏng quy trình nghiệp vụ của doanh                                                                                                                                                | 2 |  |  | 2 | 6 |

|       |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |  |   |   |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|
|       |                                                                                       | <p>nghiệp, để đo lường, đánh giá và so sánh hiệu quả hoạt động của các quy trình hoạt động khác nhau, từ đó giúp cho doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực gồm nhân sự, quy trình và thông tin và có thể dễ dàng tái cấu trúc quy trình, tích hợp các quy trình từ các tổ chức khác nhau.</p>                                                                                                                                                                        |   |   |  |   |   |
| B3.4a | <p>Quản trị dự án hệ thống thông tin /<br/>Information Systems Project Management</p> | <p>Môn học được thiết kế nhằm cung cấp người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về thiết lập dự án và quản lý dự án Hệ thống thông tin trong một tổ chức /doanh nghiệp, đồng thời nhằm nâng cao kỹ năng giải quyết của người học đối với những vấn đề thực tiễn và những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình hình thành và thực hiện dự án HTTT.</p>                                                                                                                                 | 3 |   |  | 3 | 6 |
| B3.5a | <p>Phát triển ứng dụng mã nguồn mở /<br/>Developing Open Source Software</p>          | <p>Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về phát triển ứng dụng mã nguồn mở, nhờ vậy sinh viên có thể chọn lựa chính xác công cụ và phần mềm mã nguồn mở thích hợp để phát triển ứng dụng cần thiết trong lĩnh vực tin học và công nghệ thông tin. Sinh viên chọn hướng này cần phải yêu thích việc lập trình xây dựng ứng dụng và tự đầu tư rất nhiều thời gian tìm hiểu các sự thay đổi thường xuyên và những cập nhật mới trong lãnh vực phần mềm mã nguồn mở.</p> | 2 | 1 |  | 3 | 6 |



| <b>Định hướng chuyên sâu - Quản trị thương mại điện tử</b> |                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |  |   |   |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--|---|---|
| B3.1b                                                      | Thiết kế web / Web Design                                                     | Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về phát triển ứng dụng web TMĐT dựa trên CMS (Content Management System) phổ biến là WordPres. Các nội dung chính bao gồm CMS, cài đặt và cấu hình WordPress, tùy chỉnh giao diện, cài đặt thêm các tính năng phục vụ một website TMĐT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2 | 1 |  | 3 | 6 |
| B3.2b                                                      | Marketing điện tử / Electronic Marketing                                      | Môn học cung cấp kiến thức về quá trình marketing ứng dụng công nghệ số, bằng các phương tiện điện tử và Internet: phạm vi, môi trường, chiến lược và quản trị marketing điện tử trong doanh nghiệp. Môn học cung cấp kiến thức marketing điện tử B2C, B2B; truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC) với các công cụ website, mạng xã hội, diễn đàn, công cụ tìm kiếm, thiết bị di động,...; quản trị quan hệ khách hàng điện tử; đo lường hiệu quả của marketing điện tử. Từ đó, có thể vận dụng các kiến thức marketing điện tử vào phân tích và đề xuất các giải pháp marketing hiệu quả cho những tình huống thực tế. | 2 | 1 |  | 3 | 6 |
| B3.3b                                                      | Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử / Operational Management in E-Commerce | Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị vận hành thương mại điện tử như các mô hình, hợp đồng điện tử, thanh toán điện tử, quản trị quan hệ khách hàng,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2 |   |  | 2 | 6 |

|       |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |  |  |   |   |
|-------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
|       |                                                               | chuỗi cung ứng, hệ kinh doanh điện tử, chiến lược kinh doanh điện tử, các mô hình kinh doanh điện tử, kiến trúc hệ kinh doanh điện tử, cơ sở hạ tầng cho hệ kinh doanh điện tử, kế hoạch hiện thực hệ kinh doanh điện tử. Bên cạnh đó thông qua các bài tập tình huống sẽ giúp cho người học có thể tìm hiểu về chiến lược kinh doanh điện tử của một tổ chức, cách tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh điện tử, một số nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh điện tử.                                                                                                                                                                                    |   |  |  |   |   |
| B3.4b | Hệ thống thanh toán điện tử /<br>Electronic<br>Payment system | Môn học này cung cấp những kiến thức tổng quan về Hệ thống thanh toán điện tử và vai trò của nó trong thực hiện hoạt động kinh doanh và thương mại điện tử. Các kiến thức tổng quan bao gồm các hình thức khác nhau của tiền điện tử, cách thức để tiền lưu thông trong các hệ thống thanh toán điện tử, an ninh của các hệ thống được bảo đảm ra sao, vai trò đặc biệt của các hệ thống thanh toán điện tử trong nền thương mại toàn cầu. Học phần sẽ cung cấp cách thức để tổ chức có thể lựa chọn một phương thức thanh toán phù hợp để phù hợp với mô hình kinh doanh cụ thể sử dụng công nghệ và thích nghi nhanh chóng với sự thay đổi của công nghệ. | 2 |  |  | 2 | 6 |
| B3.5b | Phân tích và tối ưu hóa bộ máy tìm kiếm /                     | Môn học này cung cấp các khái niệm, kỹ thuật và phương pháp để phân tích và                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2 |  |  | 2 | 6 |



|           |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |  |   |   |   |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---|---|---|
|           | Search Engine Optimization and Web Analytics                                     | cải thiện khả năng hiển thị của một trang web trên công cụ tìm kiếm thông qua kết quả tìm. Người học sẽ hiểu được cách công cụ tìm kiếm hoạt động, từ khoá trên công cụ tìm kiếm, cách tối ưu hóa công cụ tìm kiếm. Môn học sẽ nhấn mạnh mối quan hệ của tối ưu hóa công cụ tìm kiếm với tiếp thị kỹ thuật số để xây dựng các trang web chất lượng cao nhằm thu hút người tiếp cận.                                                                                                |  |  |   |   |   |
| <b>B4</b> | <b>Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp</b>                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |  |   |   |   |
| B4.1      | Thực tập cuối khóa chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / Internship          | Môn học hướng dẫn sinh viên tham quan, khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động hệ thống thông tin trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý tại các tổ chức khác nhau ... Thông qua quá trình thực tập, sinh viên sẽ ứng dụng các kiến thức đã học vào môi trường kinh doanh thực tế để hiểu rõ hơn lý thuyết, giúp sinh viên bổ sung các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai và đóng góp các ý kiến cho đơn vị tại nơi thực tập. |  |  | 3 | 3 | 7 |
| B4.2      | Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / Graduation Report | Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý là một sản phẩm khoa học, phản ánh kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên về lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, sinh                                                                                                                                                                                                                              |  |  | 9 | 9 | 8 |

|                                                                                                      |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |   |   |   |   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|
|                                                                                                      |                                                                                      | viên sẽ ứng dụng kiến thức chuyên ngành và phương pháp đã được học để nghiên cứu một vấn đề thực tiễn. Từ đó gợi ý đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện vấn đề phát sinh trong thực tiễn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |   |   |   |   |   |
| C4                                                                                                   | Thay thế Khóa luận tốt nghiệp                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |   |   |   |   |
| Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp (Tự chọn 5): bắt buộc                                         |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |   |   |   |   |
| C4a.1                                                                                                | Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / Business Informtaion Systems Project | Sinh viên sẽ nhận được một chủ đề liên quan đến ngành học hoặc học viên tự đề xuất chủ đề. Sau đó dựa vào những kiến thức được cung cấp trong suốt chương trình học, sinh viên sẽ tiến hành nghiên cứu trên chủ đề của đồ án và vận dụng các kiến thức của các học phần cơ sở ngành, để rèn luyện kỹ năng phát triển một ứng dụng có kết nối cơ sở dữ liệu, nhằm giải quyết một bài toán của hệ thống thông tin thực tế đặt ra. Thông qua môn học, SV nhận biết các vấn đề, nghiên cứu và đề xuất các giải pháp, trình bày giải pháp cho người khác. |   |   | 3 | 3 | 8 |
| Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp (Tự chọn 5): SV chọn 02 trong 09 học phần sau đây để tích lũy |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |   |   |   |   |
| C4b.1                                                                                                | Core banking và ngân hàng điện tử / Core banking and E-Banking                       | Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các hệ thống core banking và ngân hàng điện tử, bao gồm các khái niệm chính, phạm vi ứng dụng, các mô hình hệ thống, và các chiến lược phát triển của các hệ thống core banking và ngân hàng điện tử. Ngoài ra, môn học còn giới thiệu cho                                                                                                                                                                                                                                                                | 2 | 1 |   | 3 | 8 |



|       |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |   |  |  |   |   |
|-------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
|       |                                            | sinh viên tất cả các phân hệ cơ bản trong một hệ thống core banking. Môn học giúp cho người học được tiếp cận với các giải pháp core banking và ngân hàng điện tử phổ biến trong nước và trên thế giới, các hệ thống tích hợp với hệ thống core banking.                                                                                                                                                                                                                                               |   |  |  |   |   |
| C4b.2 | Học máy /<br>Machine Learning              | Học máy là môn học nền tảng để tiếp cận nghiên cứu tiếp về trí tuệ nhân tạo. Trong môn học này, học viên sẽ tìm hiểu về các kỹ thuật học máy hiệu quả, đồng thời thực hành triển khai chúng và biến chúng thành công việc cho chính mình. Không chỉ được học về những nền tảng lý thuyết mà học viên còn được tiếp cận những kỹ thuật thực tế cần thiết để áp dụng nhanh chóng và hiệu quả chúng vào các vấn đề mới.                                                                                   | 3 |  |  | 3 | 8 |
| C4b.3 | Trí tuệ nhân tạo / Artificial Intelligence | Trí tuệ nhân tạo là một lĩnh vực nghiên cứu cách thực hiện các hành vi thông minh của con người trên máy tính. Mục tiêu cuối cùng của AI là tạo ra một chiếc máy tính có thể tự học, lập kế hoạch và giải quyết vấn đề. Các chủ đề nghiên cứu chính trong môn học AI bao gồm: giải quyết vấn đề, lập luận, lập kế hoạch, hiểu ngôn ngữ tự nhiên, thị giác máy tính, lập trình tự động, học máy, v.v. Trong đó các phương pháp giải quyết vấn đề là rất cần thiết cho cả việc lập luận và lập kế hoạch. | 3 |  |  | 3 | 8 |

|       |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |   |  |  |   |   |
|-------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
| C4b.4 | Chuỗi khối / Blockchain                                     | Môn học này giới thiệu blockchain, một công nghệ mang tính cách mạng cho phép chuyển các tài sản kỹ thuật số ngang hàng mà không cần bất kỳ trung gian nào và được dự đoán là có tác động tương tự như Internet. Cụ thể hơn, nó chuẩn bị cho người học lập trình trên chuỗi khối Ethereum. Khóa học cung cấp cho người học (i) sự hiểu biết và kiến thức làm việc về các khái niệm blockchain cơ bản, (ii) bộ kỹ năng để thiết kế và thực hiện các hợp đồng thông minh, (iii) phương pháp phát triển các ứng dụng phi tập trung trên blockchain và (iv) thông tin về các khuôn khổ blockchain toàn ngành cụ thể đang diễn ra. | 3 |  |  | 3 | 8 |
| C4b.5 | Phân tích dữ liệu cho tài chính / Data Analytics in Finance | Môn học này giới thiệu tổng quan về phân tích tài chính. Người học sẽ tìm hiểu tại sao, khi nào và cách áp dụng phân tích tài chính trong các tình huống thực tế. Người học sẽ khám phá các kỹ thuật phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và cách đánh giá sự đánh giá thỏa hiệp được-mất trong lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại. Phần lớn nội dung trọng tâm sẽ là giá, lợi nhuận và rủi ro của cổ phiếu doanh nghiệp, bên cạnh đó các kỹ thuật phân tích làm đòn bẩy trong các lĩnh vực khác cũng được trình bày.                                                                                                            | 3 |  |  | 3 | 8 |
| C4b.6 | Chuyển đổi                                                  | Chuyển đổi kinh doanh số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3 |  |  | 3 | 8 |



|       |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |  |  |   |   |
|-------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
|       | kinh doanh số /<br>Digital<br>Business<br>Transformation              | được ra đời trong thời đại bùng nổ Internet, mô tả những hoạt động đổi mới một cách mạnh mẽ và toàn diện trong cách thức hoạt động của toàn doanh nghiệp, ở tất cả những khía cạnh như cung ứng, sản xuất, hợp tác, mối quan hệ khách hàng hoặc thậm chí là tạo ra những doanh nghiệp mới với cách thức hoạt động mới mẻ hoàn toàn. Môn học tiếp cận quá trình chuyển đổi hoàn chỉnh áp dụng số hóa và ứng dụng số hóa ở các cấp độ cao, mô tả những chuyển đổi vô cùng lớn ở quy mô doanh nghiệp và thị trường.                            |   |  |  |   |   |
| C4b.7 | Phát triển ứng dụng di động /<br>Developing<br>Mobile<br>Applications | Phát triển ứng dụng trên di động với những ngôn ngữ lập trình để viết app phát triển những ứng dụng để gia tăng tới mức tốt nhất tiện ích cho thiết bị di động. Hai hệ điều hành được sử dụng phổ biến hiện nay là iOS và Android thì việc có thể thiết kế app mobile phù hợp sẽ đáp ứng tốt cho những yêu cầu, đòi hỏi thực tế của con người. Môn học giúp phát triển những ứng dụng cơ bản như chat, game, từ điển, đọc truyện, tổng hợp thông tin chứng khoán, giá vàng, hay truy cập mạng xã hội, ứng dụng cho cá nhân và doanh nghiệp. | 3 |  |  | 3 | 8 |
| C4b.8 | Phân tích dữ liệu mạng xã hội / Social<br>Networking<br>Analytics     | Môn học nhằm giới thiệu các khái niệm và lý thuyết về phân tích dữ liệu web và mạng xã hội như các khái niệm, các phương pháp, kỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3 |  |  | 3 | 8 |

|       |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |   |  |  |   |   |
|-------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--|---|---|
|       |                                     | thuật và công cụ, từ đó giúp người học có thể vận dụng một số công cụ nhằm khám phá thông tin qua việc lập hồ sơ khách hàng, cộng đồng, xác định xu hướng, định vị mục tiêu, phân tích quan điểm và phát triển các hệ thống khuyến nghị                                                                                                                                                   |   |  |  |   |   |
| C4b.9 | Thương mại xã hội / Social Commerce | Môn học giúp đo lường mức độ mà người tiêu dùng tương tác với các hoạt động marketing của các tổ chức. Tiếp cận thương mại trên mạng xã hội tạo ra các thông điệp và tính năng tương tác thúc đẩy bán hàng trực tuyến và các sáng kiến thương mại điện tử khác. Môn thương mại xã hội cũng chỉ ra các chiến lược và chiến thuật marketing được sử dụng trong thương mại trên mạng xã hội. | 3 |  |  | 3 | 8 |

## 11. Kế hoạch đào tạo

### 11.1. Học kỳ 1

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                                                               | Số tín chỉ | Học phần trước / song hành | Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ   |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------|------------------------------|------------|
| 1   | A1.1        | Triết học Mác - Lênin / Marxist - Leninist Philosophy                                      | 3          |                            | BB                           | Tiếng Việt |
| 2   | A2.1        | Toán cao cấp 1 / <i>Advanced Mathematic 1</i>                                              | 2          |                            | BB                           | Tiếng Việt |
| 3   | B1.1        | Kinh tế học vi mô / Microeconomics                                                         | 3          |                            | BB                           | Tiếng Việt |
| 4   | B1.4        | Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý / Introduction to Management Information Systems | 2          |                            | BB                           | Tiếng Việt |
|     |             | <b>TỔNG TÍN CHỈ</b>                                                                        | <b>10</b>  |                            |                              |            |



### 11.2. Học kỳ 2

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                                     | Số tín chỉ | Học phần trước / song hành      | Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1   | A2.2        | Toán cao cấp 2 / <i>Advanced Mathematic 2</i>                    | 2          | Toán cao cấp 1                  | BB                           | Tiếng Việt         |
| 2   | B1.2        | Kinh tế học vĩ mô / Macroeconomics                               | 3          | Kinh tế vĩ mô                   | BB                           | Tiếng Việt         |
| 3   | A2.2        | Lý thuyết xác suất và thống kê toán / Probability and Statistics | 3          | Toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2  | BB                           | Tiếng Việt         |
| 4   | B1.5        | Quản trị học / Fundamental of Management                         | 3          | Kinh tế vĩ mô                   | BB                           | Tiếng Việt         |
| 5   | B1.3        | Nguyên lý kế toán / Principles of Accounting                     | 3          | Kinh tế vĩ mô                   | BB                           | Tiếng Việt         |
| 6   | B1.7        | Nguyên lý Marketing / Principles of Marketing                    | 3          |                                 | BB                           | Tiếng Việt         |
| 7   | B1.10       | Logic ứng dụng trong kinh doanh / Applied Logic in Business      | 2          |                                 | BB                           | Tiếng Việt         |
| 8   | B2.2        | Cơ sở lập trình / Fundamentals of Programming                    | 3          | Logic ứng dụng trong kinh doanh | BB                           | Tiếng Việt         |
|     |             | <b>TỔNG TÍN CHỈ</b>                                              | <b>22</b>  |                                 |                              |                    |

### 11.3. Học kỳ 3

| STT | Mã học phần | Tên học phần                     | Số tín chỉ | Học phần trước / song hành          | Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|-------------|----------------------------------|------------|-------------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1   | A4          | <i>Học phần tự chọn 1</i>        | 3          |                                     | BB                           | Tiếng Việt         |
| 2   | B1.8        | Kinh tế lượng / Econometrics     | 3          | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | BB                           | Tiếng Việt         |
| 3   | B2.1        | Cơ sở dữ liệu / Database Systems | 3          |                                     | BB                           | Tiếng Việt         |

|   |       |                                                                                                              |           |                              |    |               |
|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|----|---------------|
| 4 | B1.6  | Hệ thống thông tin quản lý /<br>Management Information<br>Systems                                            | 3         | Quản trị học                 | BB | Tiếng<br>Việt |
| 5 | B2.3  | Mạng máy tính và truyền<br>thông / Computer network<br>and Communication                                     | 3         |                              | BB | Tiếng<br>Việt |
| 6 | B1.9  | Tin học ứng dụng / Applied<br>Informatics                                                                    | 3         | Đạt chuẩn đầu<br>vào Tin học | BB | Tiếng<br>Việt |
| 7 | B2.14 | Kiến tập ngành Hệ thống<br>thông tin quản lý / Pratical<br>Observation for Management<br>Information Systems | 1         |                              | BB | Tiếng<br>Việt |
|   |       | <b>TỔNG TÍN CHỈ</b>                                                                                          | <b>19</b> |                              |    |               |

#### 11.4. Học kỳ 4

| STT | Mã học<br>phần | Tên học phần                                                                          | Số tín<br>chỉ | Học phần trước /<br><i>song hành</i>               | Bắt buộc<br>(BB) / Tự<br>chọn (TC) | Ngôn<br>ngữ<br>giảng<br>dạy |
|-----|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|
| 1   | B2.7           | An toàn bảo mật thông tin /<br>Information Security                                   | 3             | Mạng máy tính và<br>truyền thông                   | BB                                 | Tiếng<br>Việt               |
| 2   | B1.11          | Tiếng Anh chuyên ngành 1 /<br>English for Economics and<br>Management                 | 2             | Đạt chuẩn đầu<br>vào tiếng Anh<br>(môn tiên quyết) | BB                                 | Tiếng<br>Việt               |
| 3   | B2.4           | Giải thuật ứng dụng trong<br>kinh doanh / Applied<br>Algorithms in Business           | 3             | Cơ sở lập trình                                    | BB                                 | Tiếng<br>Việt               |
| 4   | B2.6           | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu /<br>Database Management<br>Systems                         | 2             | Cơ sở dữ liệu                                      | BB                                 | Tiếng<br>Việt               |
| 5   | B2.8           | Phân tích thiết kế hệ thống<br>thông tin / Information<br>Systems Analysis and Design | 3             | Cơ sở dữ liệu                                      | BB                                 | Tiếng<br>Việt               |
| 6   | A1.2           | Kinh tế chính trị Mác - Lênin<br>/ Marxist-Leninist Political<br>Economics            | 2             | Triết học Mác -<br>Lênin                           | BB                                 | Tiếng<br>Việt               |
| 7   | C1             | <b>Học phần tự chọn 2</b>                                                             | 3             |                                                    | BB                                 | Tiếng<br>Việt               |
|     |                | <b>TỔNG TÍN CHỈ</b>                                                                   | <b>18</b>     |                                                    |                                    |                             |



### 11.5. Học kỳ 5

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                                                                   | Số tín chỉ | Học phần trước / song hành                           | Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1   | A1.3        | Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism                                               | 2          | Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin | BB                           | Tiếng Việt         |
| 2   | B2.5        | Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / English for Management Information Systems | 3          | Đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh                          | BB                           | Tiếng Việt         |
| 3   | B2.12       | Thương mại điện tử / Electronic Commerce                                                       | 3          | Quản trị học                                         | BB                           | Tiếng Việt         |
| 4   | B2.9        | Lập trình hướng đối tượng / Object-oriented Programming                                        | 3          | Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh                 | BB                           | Tiếng Việt         |
| 5   | B2.10       | Phân tích kinh doanh / Business Analysis                                                       | 3          | Quản trị học                                         | BB                           | Tiếng Việt         |
| 6   | A3.1        | Pháp luật đại cương                                                                            | 2          |                                                      | BB                           | Tiếng Việt         |
| 7   | B2.13       | Lập trình web / Web Programming                                                                | 3          | Cơ sở lập trình                                      | BB                           | Tiếng Việt         |
|     |             | <b>TỔNG TÍN CHỈ</b>                                                                            | <b>19</b>  |                                                      |                              |                    |

### 11.6. Học kỳ 6

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                                               | Số tín chỉ | Học phần trước / song hành | Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1   | B2.11       | Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp / Enterprise Resource Planning System | 3          | Hệ thống thông tin quản lý | BB                           | Tiếng Việt         |
| 2   | B3          | <i>Học phần tự chọn 4</i>                                                  | 12         |                            | BB                           | Tiếng Việt         |
| 3   | C2          | <i>Học phần tự chọn 3</i>                                                  | 3          |                            | BB                           | Tiếng Việt         |
|     |             | <b>TỔNG TÍN CHỈ</b>                                                        | <b>18</b>  |                            |                              |                    |

### 11.7. Học kỳ 7

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                                            | Số tín chỉ | Học phần trước / song hành  | Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1   | A1.4        | Lịch sử Đảng / History of Vietnamese Communist Party                    | 2          | <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> | BB                           | Tiếng Việt         |
| 2   | A1.5        | Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh's Ideology                           | 2          | <i>Lịch sử Đảng</i>         | BB                           | Tiếng Việt         |
| 3   | B4.1        | Thực tập cuối khóa chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / Internship | 3          | Theo quy chế đào tạo        | BB                           | Tiếng Việt         |
|     |             | <b>TỔNG TÍN CHỈ</b>                                                     | <b>7</b>   |                             |                              |                    |

### 11.8. Học kỳ 8

| STT | Mã học phần | Tên học phần                                                                     | Số tín chỉ | Học phần trước / song hành | Bắt buộc (BB) / Tự chọn (TC) | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1   | B4.2        | Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý / Graduation Report | 9          | Theo quy chế đào tạo       | BB                           | Tiếng Việt         |
| 2   | C4          | <i>Học phần tự chọn 5 (các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp)</i>                | 9          |                            | BB                           | Tiếng Việt         |
|     |             | <b>TỔNG TÍN CHỈ</b>                                                              | <b>9</b>   |                            |                              |                    |

## 12. Hướng dẫn thực hiện

Giảng viên có thể chủ động lựa chọn hình thức giảng dạy là trực tuyến (online) kết hợp trực tiếp (offline), đảm bảo tổng thời gian giảng dạy trực tuyến mỗi học phần (ngoại trừ các học phần kiến tập, thực tập, đồ án, khóa luận) không vượt quá 30% thời gian giảng dạy của cả môn học.

**12.1. Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp:** Trường hợp sinh viên không đủ điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp thì sẽ học 3 môn thay thế có tổng số tín chỉ tương đương:



**Học phần thay thế bắt buộc****Số tín chỉ**

- |                                                  |   |
|--------------------------------------------------|---|
| 1. Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý | 3 |
|--------------------------------------------------|---|

**Học phần thay thế tự chọn (Tự chọn 5)****Số tín chỉ**

(Sinh viên chọn 02 trong 09 học phần; Học phần được mở tùy theo từng học kỳ)

- |                                      |   |
|--------------------------------------|---|
| 1. Học máy                           | 3 |
| 2. Trí tuệ nhân tạo                  | 3 |
| 3. Thương mại xã hội                 | 3 |
| 4. Chuỗi khối (Blockchain)           | 3 |
| 5. Chuyển đổi kinh doanh số          | 3 |
| 6. Phát triển ứng dụng di động       | 3 |
| 7. Phân tích dữ liệu mạng xã hội     | 3 |
| 8. Phân tích dữ liệu cho tài chính   | 3 |
| 9. Core banking và ngân hàng điện tử | 3 |

**12.2.** Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: là điều kiện để xét tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành), không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

**12.3.** Các môn học tiếng Anh: Không thiết kế các môn tiếng Anh căn bản vào chương trình đào tạo. Tiếng Anh chuyên ngành gồm 2 học phần với tổng số 5 đơn vị tín chỉ: Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 đvtc) và Tiếng Anh chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý (3 đvtc).

**12.4. Chuẩn tiếng Anh****Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành:**

Sinh viên phải đạt điểm theo yêu cầu của Trường thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, hoặc các điểm tiếng Anh quốc tế tương đương A2 (TOEIC 350, IELTS 3.5 ...). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ /chứng nhận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

**Chuẩn tiếng Anh đầu ra:**

Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 3 /6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh

quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

### **12.5 Chuẩn Tin học**

***Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:***

- (a) Sinh viên đạt yêu cầu trong các kỳ kiểm tra trình độ Tin học do Trường tổ chức;
- (b) Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường cấp;
- (c) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

***Chuẩn Tin học đầu ra: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:***

- (a) Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;
- (b) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.
- (c) Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Đức Trung**